

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ái Doan.

Các Thẩm phán:

Ông Sỹ Danh Đạt.

Ông Nguyễn Chí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 và ngày 26 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai việc dân sự thụ lý số 166/2026/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2026 về việc “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án*”.

Do Quyết định dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2026/QĐ-PT ngày 30 tháng 9 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Ông Lê Văn Ú, sinh năm 1963, chết ngày 25/6/2025.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Lê Văn Ú:

1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số G đường H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lê Thị E, sinh năm 1962 (Vắng mặt);

3. Anh Lê Văn T, sinh năm 1962 (Vắng mặt);

4. Anh Lê Minh B, sinh năm 1986 (Vắng mặt);

5. Anh Lê Minh Q, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

6. Anh Lê Minh T1, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của anh Lê Minh T1: anh Trần Đăng K, sinh năm 1996 là người đại diện theo ủy quyền theo hợp đồng ủy quyền ngày 29/7/2025;

Địa chỉ: ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

7. Anh Lê Minh T2, sinh năm 1991 (Có mặt);

8. Chị Lê Thị N, sinh năm 1993 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

9. Chị Lê Thị Thu H1, sinh năm 1994 (Vắng mặt);

Địa chỉ: tổ A ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

10. Chị Lê Thị Ngọc H2, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1961;

- Ông Ngô Văn L, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Ngô Văn L là ông Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 26/5/2026).

- Chị Ngô Thị Tú H4, sinh năm 1988;

- Anh Ngô Viết V1, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Ngô Viết V1 và chị Ngô Thị Tú H4 là ông Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1986 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 17/4/2026).

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

- Ông Ngô Văn Ú1, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Ngô Văn Ú1 là ông Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố L, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- Thi hành án dân sự tỉnh Đ;

Địa chỉ: số A đường R, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Quang H5 - Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (Xin vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1961(Có mặt);

Địa chỉ: số E, Ấp B, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Nguyễn Trung H6, sinh năm 1954 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Nguyễn Thị Hồng T4, sinh năm 1957 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp E, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Phạm Thanh H7, sinh năm 1960 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Ngô Thị V2, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 22/3/2024 của ông Lê Văn Ú trình bày:

Ông Lê Văn Ú là nguyên đơn trong vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi với bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh V, ông Ngô Văn L. Theo bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy thì ông L, bà V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Văn Ú số tiền hụi đến hạn 760.000.000đồng và trả dần 755.000.000đồng tiền hụi chưa đến hạn.

Qua xác minh điều kiện thi hành án của ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh V xác định ông L, bà V có tài sản chung là quyền sử dụng đất trong hộ tại các thửa đất số 6, 150 và 286 cấp cho hộ ông L, bà V. Căn cứ vào quyền của người được thi hành án ông Ú yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sử dụng đất của ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh V trong khối tài sản chung trong

hộ đối với các thửa đất:

- Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.370m² tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02629 ngày 27/10/2005 cấp cho hộ ông Ngô Văn L;

- Thửa đất số 286, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.536m², tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày số vào sổ H06160 cấp ngày 09/08/2006 cấp cho hộ ông Ngô Văn L;

- Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 02, diện tích 9.478m², tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H05574 ngày 17/03/2006 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh V.

Tại phiên họp sơ thẩm:

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người yêu cầu giải quyết việc dân sự Lê Văn Ú là bà Lê Thị E, chị Lê Thị H, anh Lê Văn T, anh Lê Minh B, anh Lê Minh Q, Lê Minh T2, chị Lê Thị N, chị Lê Thị Thu H1, chị Lê Thị Ngọc H2 đơn xin vắng mặt, đồng thời có ý kiến giữ nguyên nội dung yêu cầu của ông Lê Văn Ú.

- Anh Trần Đăng K người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn Ú là anh Lê Minh T1 giữ nguyên yêu cầu của ông Lê Văn Ú, đồng thời yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sử dụng đất của ông L, bà V trong 03 thửa đất số 6, 150 và 286 theo quy định pháp luật để làm cơ sở thi hành án.

Tại Quyết định số 36/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp, căn cứ vào khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 144, Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 102, Điều 212 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Lê Văn Ú.

- Xác định ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh V mỗi người có 1/3 quyền sử dụng đối với thửa đất số 6, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.370m² theo

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02629 ngày 27/10/2005 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Ngô Văn L, phần đất tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp) để đảm bảo thi hành án.

- Xác định ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh V mỗi người có $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đối với thửa đất số 286, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.566m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H”06160 ngày 09/8/2006 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Ngô Văn L, phần đất tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp) để đảm bảo thi hành án.

- Xác định ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh V mỗi người có $\frac{1}{3}$ quyền sử dụng đối với thửa đất số 150, tờ bản đồ số 02, diện tích 9.478m², tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp) do UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H05574 ngày 17/3/2006 cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh V để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra Quyết định còn tuyên về lệ phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03/11/2025, ông Lê Minh T2 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa quyết định sơ thẩm theo hướng xác định toàn bộ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 4, diện tích 1370,0m² và thửa đất số 150, tờ bản đồ số 02, diện tích 9.478m² cùng tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp) là của bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Ngô Văn L.

Ngày 17 tháng 10 năm 2025 ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh V có đơn kháng cáo yêu cầu tòa phúc thẩm sửa toàn bộ quyết định sơ thẩm theo hướng xác định lại thành viên hộ gia đình và phần quyền sử dụng đất của từng người trong các thửa đất có liên quan, yêu cầu đo đạc, thẩm định lại tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung giải quyết việc dân sự và yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh T2, ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh V: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Minh T2; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh V. Đề nghị Hội đồng xét xử xác định thửa đất số 6 và thửa đất số 150 ông L và bà V mỗi người được $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ giải quyết việc dân sự “*Yêu cầu xác định quyền sử dụng đất để thi hành án*” là có căn cứ, phù hợp với yêu cầu của ông Lê Văn Ú theo quy định tại khoản 9 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Lê Minh T2, ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh V trong thời hạn theo Điều 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh V có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn Ú số tiền 760.000.000đồng và trả dần 755.000.000đồng tiền hui chưa đến hạn, theo bản án số 13/2023/DS-ST ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy. Theo kết quả xác minh điều kiện thi hành án xác định ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh V có tài sản chung là quyền sử dụng đất là: Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.370m² tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H0269 ngày 27/10/2005 cho hộ ông Nguyễn Văn L2; Thửa đất số 286, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.536m², tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H05574 ngày 17/3/2006 cho hộ Nguyễn Thị Thanh V; Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 2, diện tích 9.478m², tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H05574 ngày 17/3/2006 cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh V. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ba thửa đất nêu trên thì hộ ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh V gồm có ba người là: ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh V, Ngô Thị Tú H4. Ông L, bà V là vợ chồng; Ngô Thị Tú H4 là con của ông L và bà V.

Ông Lê Văn Ú yêu cầu xác định phần quyền sử dụng thửa đất của ông L, bà V trong ba thửa đất số 6, 150, 286 để làm cơ sở thi hành án.

Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Lê Văn Ú: Xác định ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh V mỗi người có 1/3 quyền sử dụng đối với thửa đất số 6; Xác định ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh V mỗi người có 1/2 quyền sử dụng đối với thửa đất số 286; Xác định ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh V mỗi người có 1/3 quyền sử dụng đối với thửa

đất số 150.

Ông Lê Minh T2 không đồng ý nên có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa quyết định sơ thẩm theo hướng xác định toàn bộ thửa đất số 6, thửa đất số 150 là của ông L và bà V.

Ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh V không đồng ý nên có đơn kháng cáo yêu cầu xác định lại thành viên hộ gia đình và phần quyền sử dụng đất của từng người trong các thửa đất có liên quan, yêu cầu đo đạc, thẩm định lại tài sản.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh T2, ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh V:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Nguyễn Văn L2 trình bày các thửa đất số 6, 286, 150 do bà V và ông L2 nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân. Riêng đối với thửa đất số 6 thì có công sức đóng góp của chị Nguyễn Thị Tú H8 làm nghề đưa đồ hùn vào để mua.

Theo quy định, thì hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Nhận thấy, nguồn gốc ba thửa đất số 6, 286 và 150 có nguồn gốc là do ông L2 và bà V nhận chuyển nhượng khi chung sống với nhau nên có căn cứ xác định ba thửa đất này là tài sản chung của ông L2 và bà V. Đối với thửa đất số 06, ông L2 và bà V trình bày có công sức đóng góp của Nguyễn Thị Tú H8 làm nghề đưa đồ để hùn vào mua đất, nhưng năm 2005 khi ông L2 và bà V nhận chuyển nhượng thửa đất số 6 thì Nguyễn Thị Tú H8 chỉ mới 17 tuổi nên việc ông L2 bà V trình bày thửa đất số 6 có công sức đóng góp của Nguyễn Thị Tú H8 là không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Tòa sơ thẩm xác định ông L2, bà V mỗi người có $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đối với thửa đất số 286 là có căn cứ pháp luật. Đối với thửa đất số 6 và thửa đất 150, Tòa sơ thẩm xác định ông L2 và V xác định mỗi người có $\frac{1}{3}$ quyền sử dụng là không phù hợp với quy định pháp luật nên cần phải xác định lại ông L2 và bà V mỗi người có quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ đối với thửa đất số 6 và 150. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh T2; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh V; S quyết định sơ thẩm; Xác định ông L và bà V mỗi người

có ½ quyền sử dụng ba thửa đất số 6, 286 và 150.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về lệ phí:

Miễn lệ phí sơ thẩm cho ông Lê Văn Ú.

Miễn lệ phí phúc thẩm ông Nguyễn Văn L2, bà Nguyễn Thị Thanh V chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 375 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh T2.
- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh V.
- Sửa Quyết định sơ thẩm số 36/2025/QĐST-DS ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 102, Điều 212 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Lê Văn Ú, (đã chết ngày 25/6/2025), những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Lê Văn Ú gồm: chị Lê Thị H, bà Lê Thị E, anh Lê Văn T, anh Lê Minh B, anh Lê Minh Q, anh Lê Minh T1, anh Lê Minh T2, chị Lê Thị N, chị Lê Thị Thu H1, chị Lê Thị Ngọc H2.

- Xác định ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh V mỗi người có ½ quyền sử dụng đối với thửa đất số 6, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.370m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02629 ngày 27/10/2005 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Ngô Văn L, phần đất tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp) để đảm bảo thi hành án.

- Xác định ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh V mỗi người có ½ quyền sử dụng đối với thửa đất số 286, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.566m² theo

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H”06160 ngày 09/8/2006 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Ngô Văn L, phần đất tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp) để đảm bảo thi hành án.

- Xác định ông Ngô Văn L, bà Nguyễn Thị Thanh V mỗi người có $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đối với thửa đất số 150, tờ bản đồ số 02, diện tích 9.478m², tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp) do UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H05574 ngày 17/3/2006 cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh V để đảm bảo thi hành án.

2. Về lệ phí:

Miễn lệ phí sơ thẩm cho ông Lê Văn Ú.

Miễn lệ phí phúc thẩm ông Nguyễn Văn L2, bà Nguyễn Thị Thanh V chịu theo quy định.

H9 lại ông Lê Minh T2 300.000đồng tạm ứng lệ phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0006784 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 4 - Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 - Đồng Tháp;
- P.THADS khu vực 4 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Đoan

